

Số: 77/2022/QĐST-HNGĐ

P, ngày 13 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1982;

Đăng ký HKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

Địa chỉ hiện nay: Số 09 ngõ 48 khu dân phố Trà Khê 3, phường A, quận D, thành phố H;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 08/6/2006;

Đăng ký HKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H;

Địa chỉ hiện nay: Số 09 ngõ 48 khu dân phố Trà Khê 3, phường A, quận D, thành phố H;

Đại diện hợp pháp của cháu Đức A: Anh Nguyễn Văn L và chị Trần Thị G là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/12/2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị G và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Nguyễn Văn L nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Trần Thị G và anh Nguyễn Văn L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/01/2001 và cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 08/6/2006. Ly hôn, anh L và chị G thỏa thuận thống nhất giao cháu Đức A cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi; chị G và anh L thỏa thuận anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị G. Đối với cháu L đã trưởng thành nên chị G và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu L.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Trần Thị G và anh Nguyễn Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Trần Thị G và anh Nguyễn Văn L thỏa thuận thống nhất chị G tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006171 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H; chị G đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Trần Thị G 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND TT T, GCNKH số 04/2000;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q